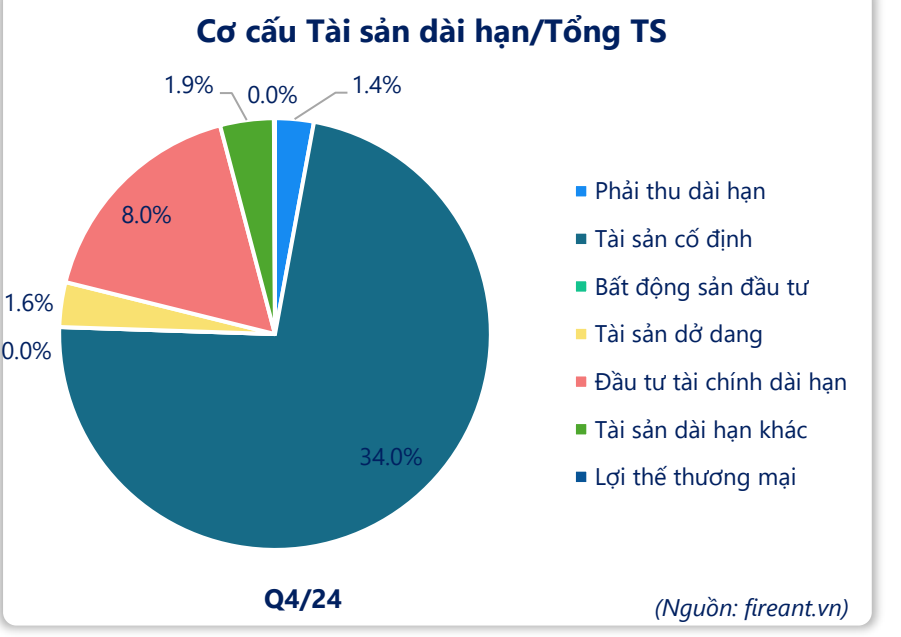
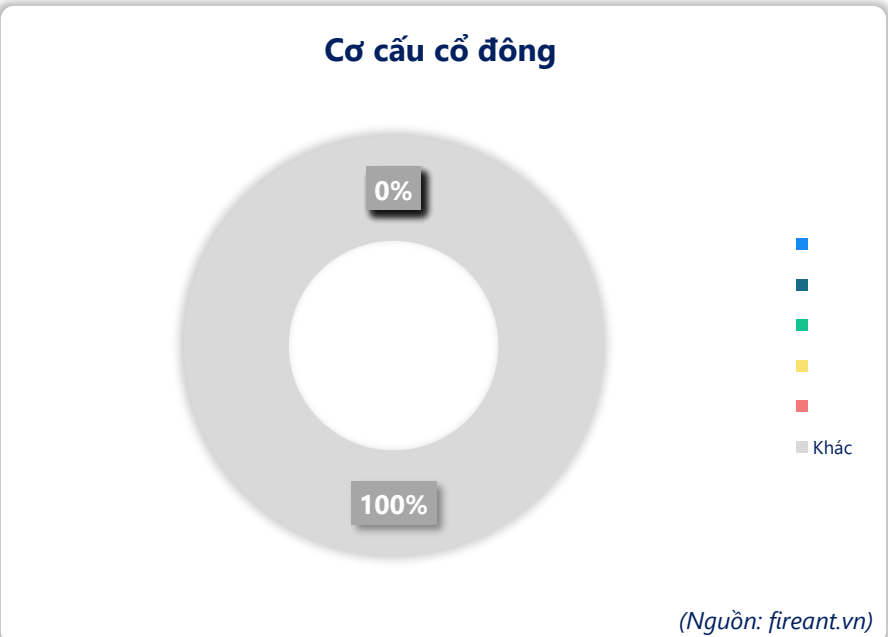
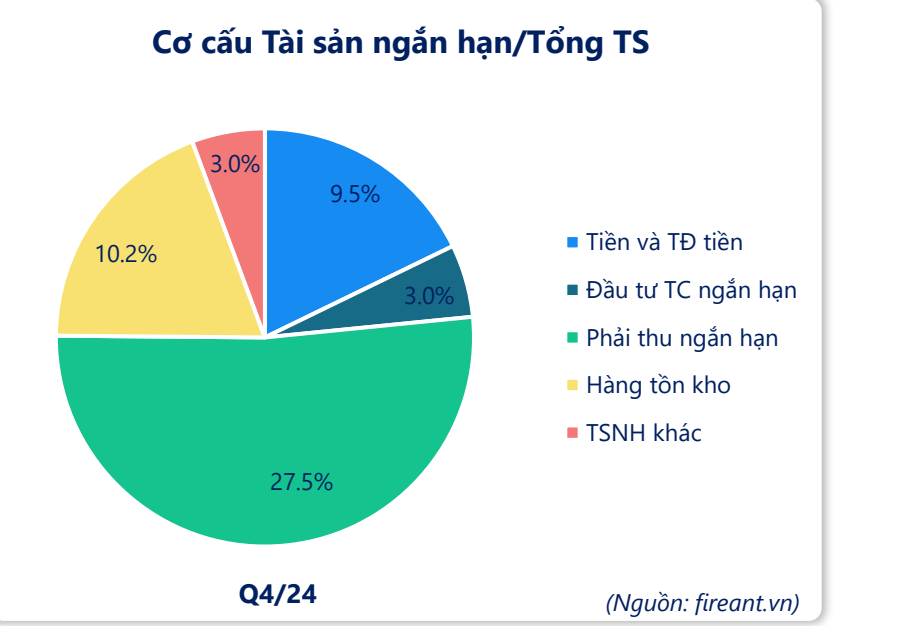
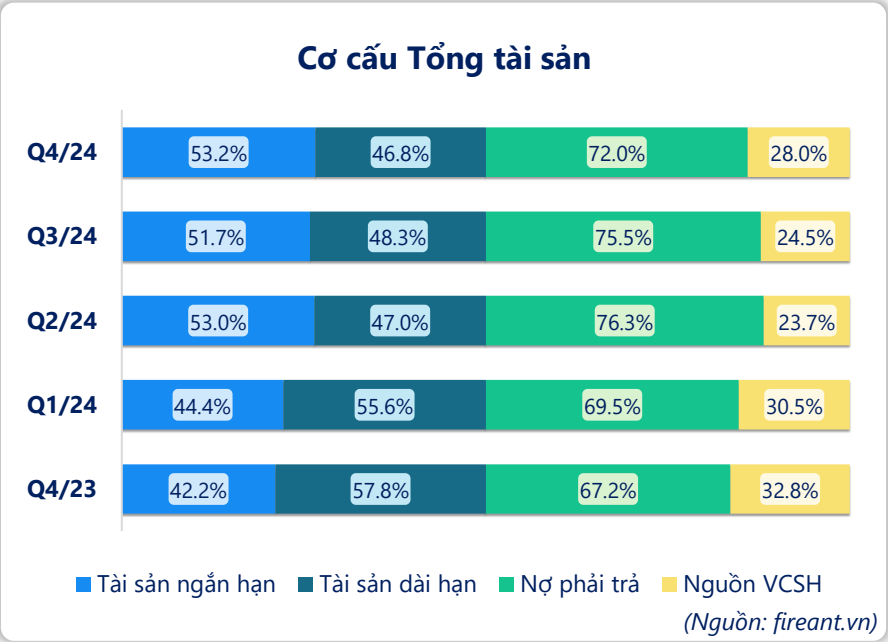
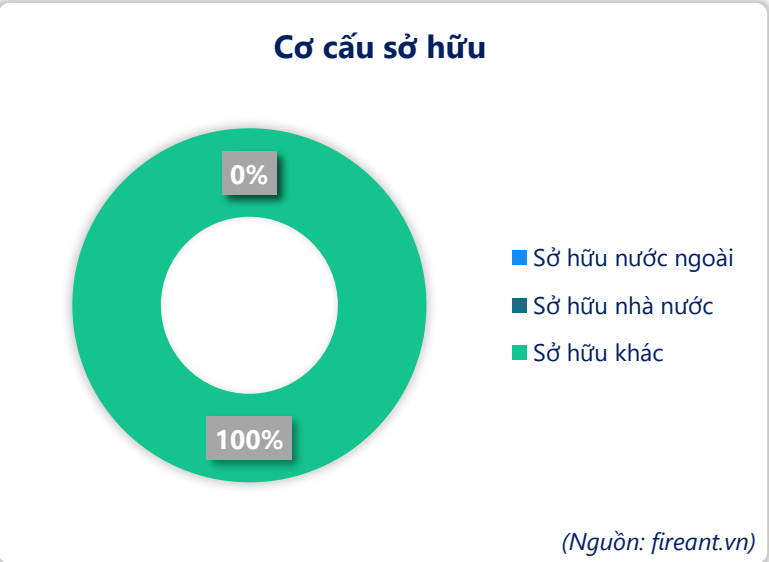
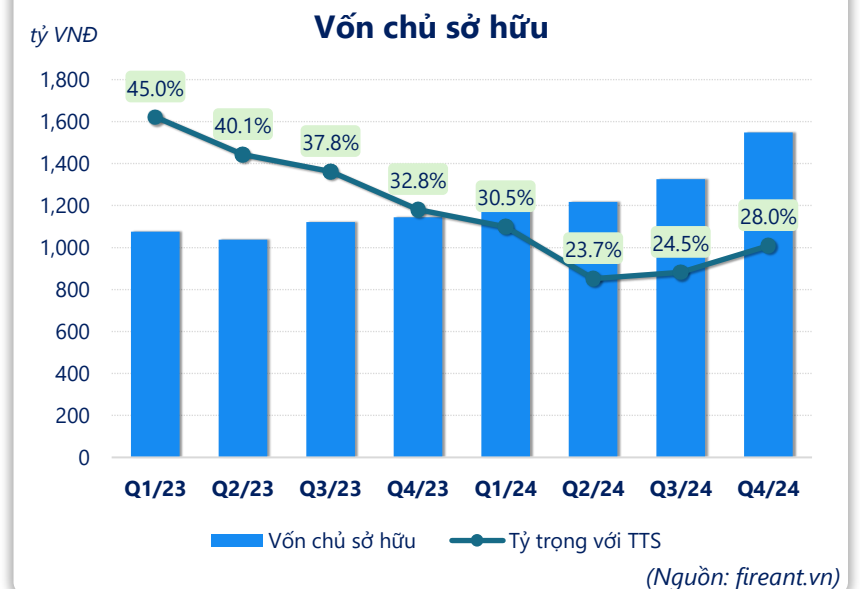
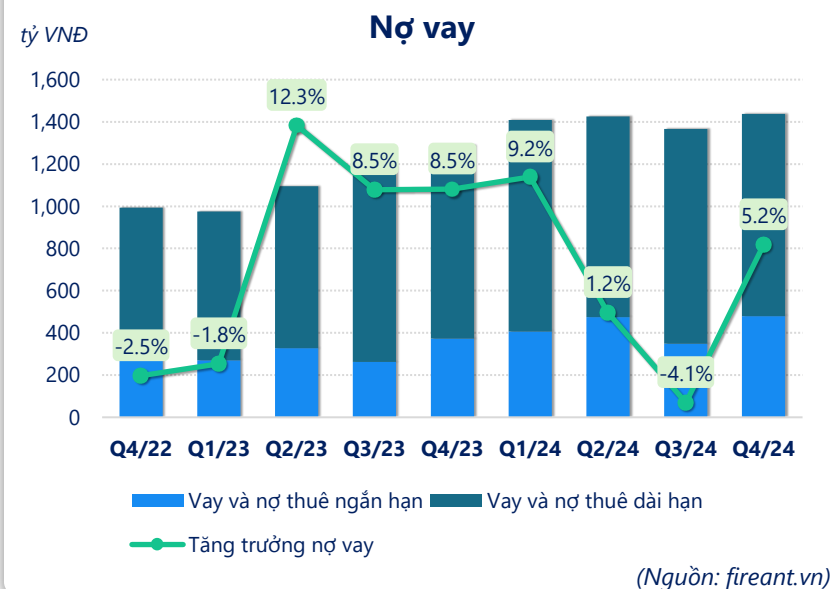
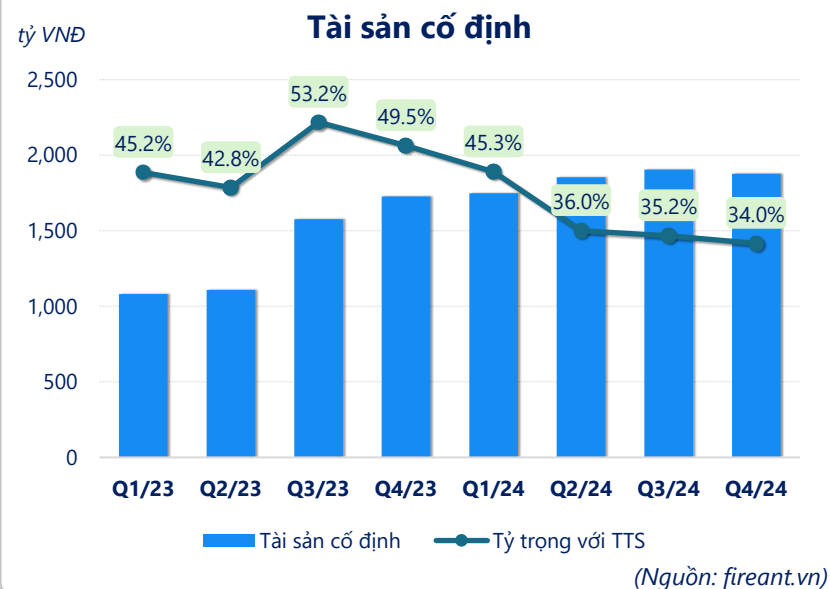
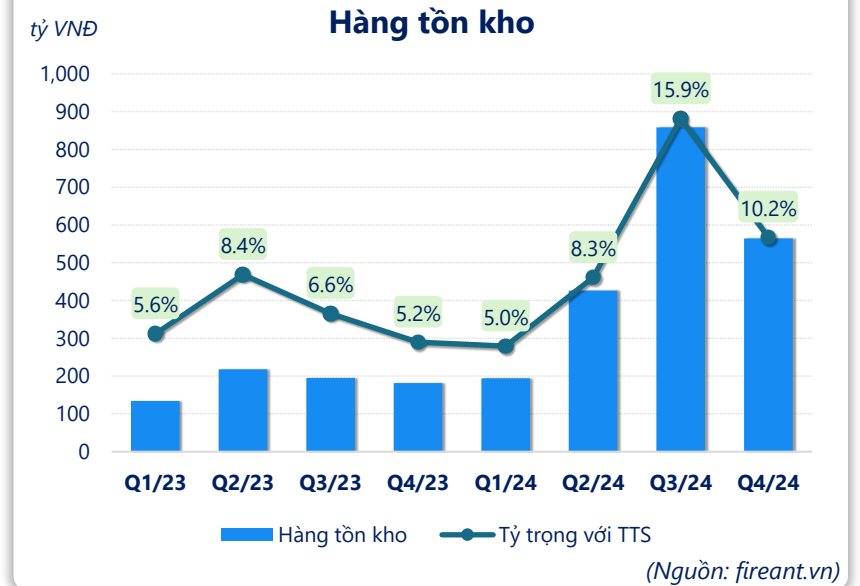
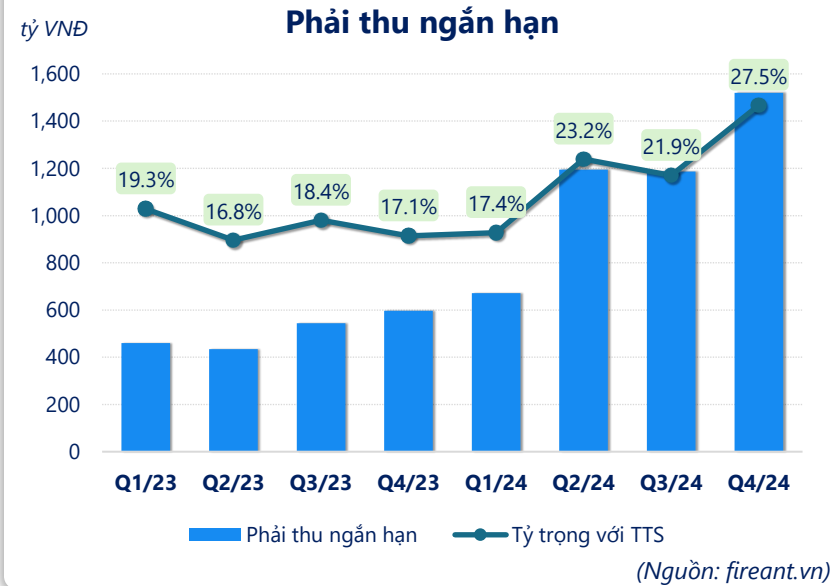
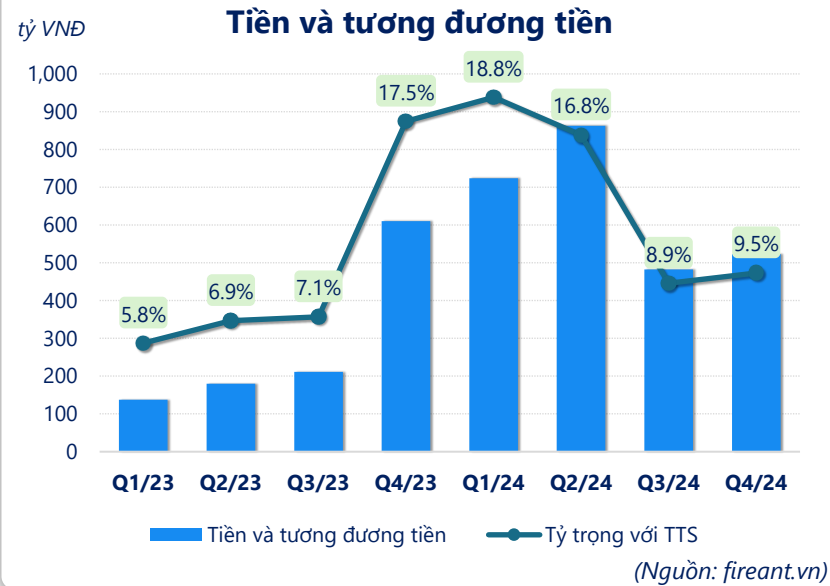
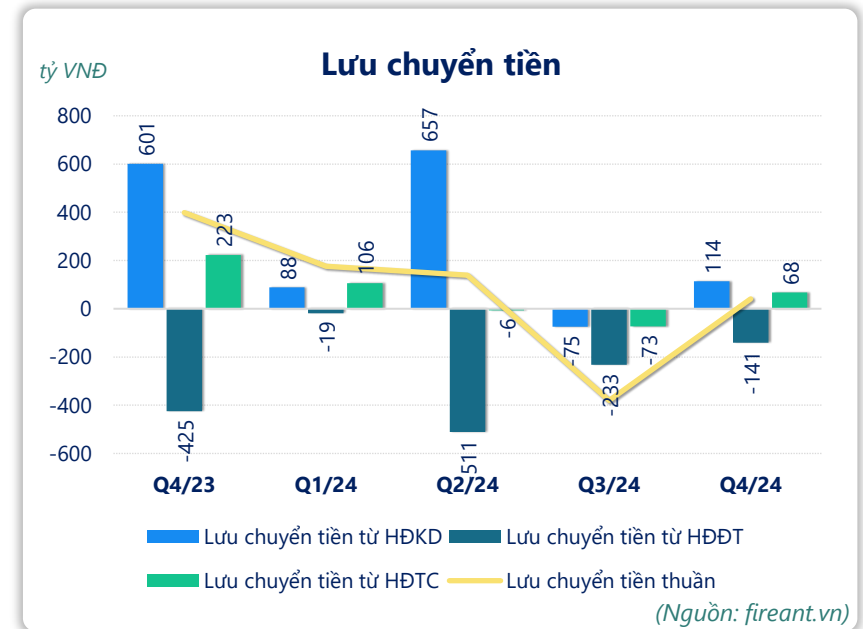
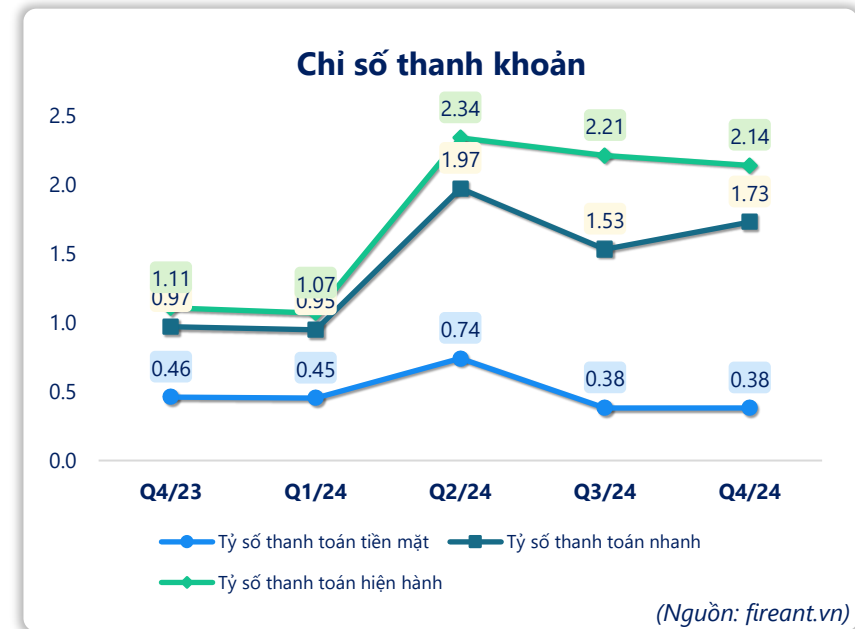
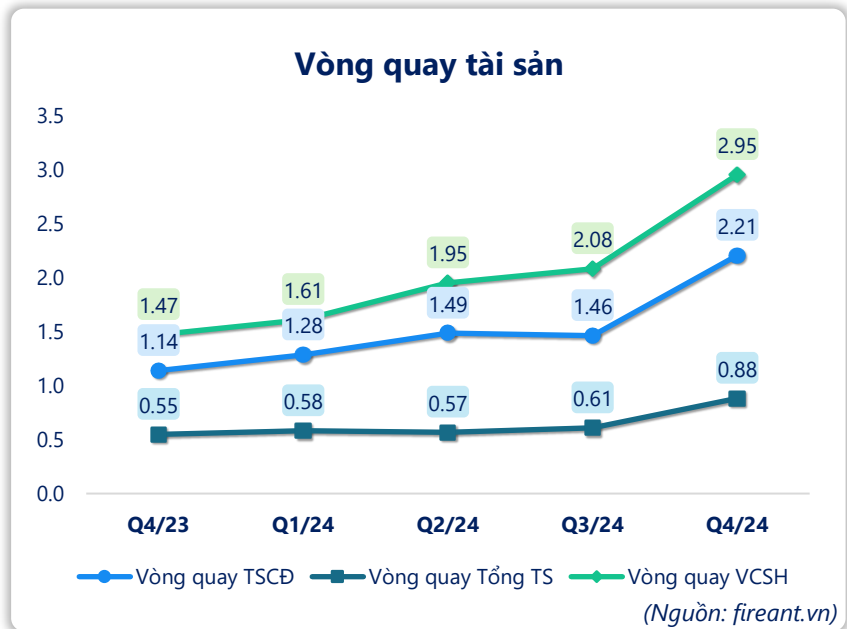
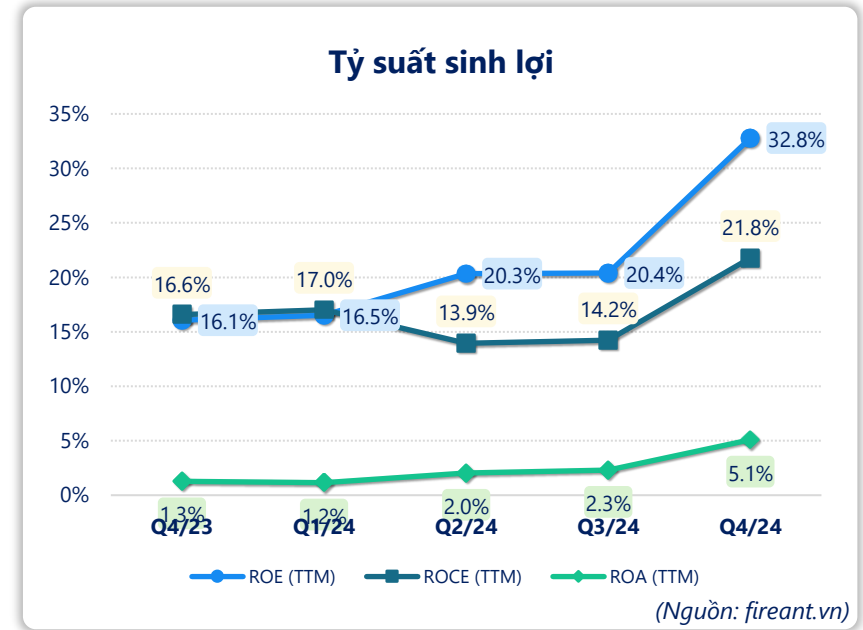
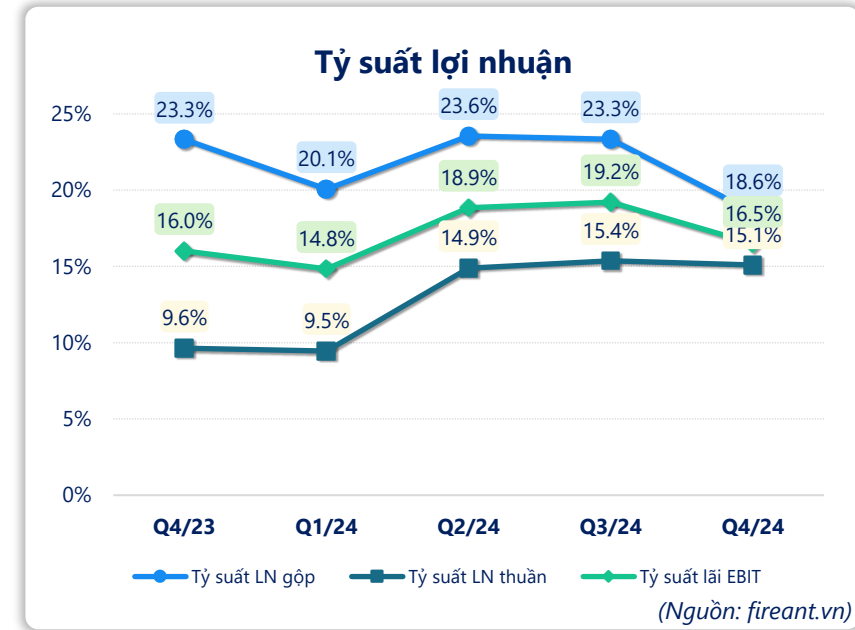
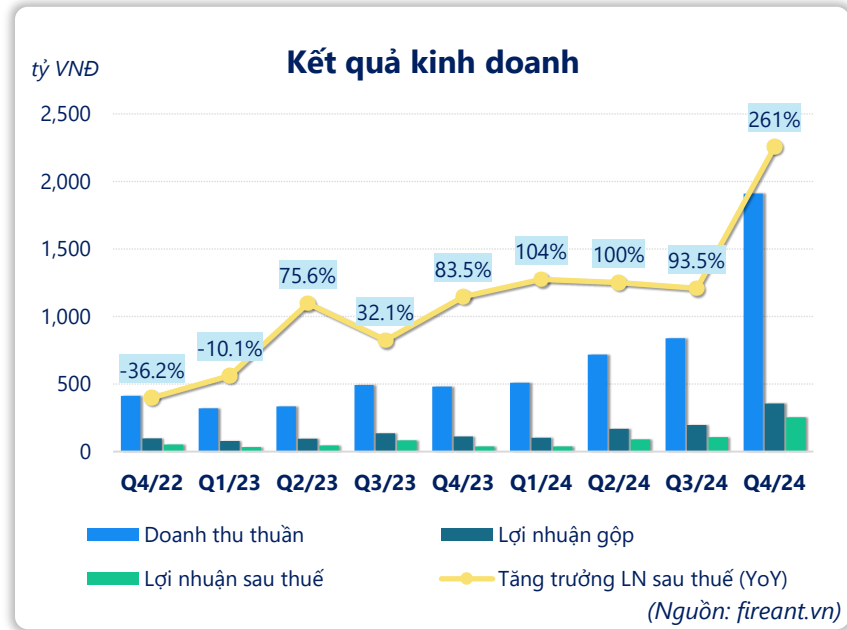


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		73,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		77,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		34,002
SL cổ phiếu LH		30,999,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20,400
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,278
P/E		5.2
EPS		14,230

	YTD	1T	3T	6T
TOS		7.5%	26.7%	24.6%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	5,523	3,532	56.4%
Tài sản ngắn hạn	2,938	1,414	108%
Tiền và tương đương tiền	523	548	-4.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165	2.50	6514%
Phải thu ngắn hạn	1,519	537	183%
Hàng tồn kho	565	256	121%
Tài sản ngắn hạn khác	166	71.0	134%
Tài sản dài hạn	2,585	2,118	22.0%
Phải thu dài hạn	74.9	85.4	-12.3%
Tài sản cố định	1,877	1,732	8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	86.6	6.70	1193%
Đầu tư tài chính dài hạn	440	163	169%
Tài sản dài hạn khác	104	128	-19.0%
Lợi thế thương mại	2.08	2.27	-8.3%
Nợ phải trả	3,975	2,391	66.3%
Nợ ngắn hạn	1,372	1,398	-1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	479	402	19.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	440	233	88.5%
Nợ dài hạn	2,603	994	162%
Vay và nợ thuê dài hạn	959	894	7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,548	1,141	35.6%
Vốn chủ sở hữu	1,548	1,141	35.6%
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	481	509	717	840	1,910
Giá vốn hàng bán	369	407	548	644	1,556
Lợi nhuận gộp	112	102	169	196	354
Doanh thu HĐTC	1.04	4.46	7.02	0.34	5.17
Chi phí TC	32.8	27.4	33.1	37.4	31.6
Chi phí lãi vay	29.4	27.1	28.9	32.0	26.8
LN trong công ty LKLD	2.86	2.83	8.44	5.55	14.6
Chi phí bán hàng	4.18	4.26	5.24	4.70	4.68
Chi phí QLDN	32.7	29.7	39.2	30.8	49.7
LN thuần từ HĐKD	46.3	48.1	107	129	288
Lợi nhuận khác	1.36	0.33	-0.50	0.29	-0.01
LN trước thuế	47.7	48.4	106	129	288
Lợi nhuận sau thuế	37.9	39.1	89.5	107	253
LNST của CĐ cty mẹ	37.5	35.9	79.1	96.8	229

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	601	88.3	657	-74.7	114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-425	-18.8	-511	-233	-141
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	223	106	-6.42	-72.6	68.0
Tiền đầu kỳ	211	548	724	863	483
Lưu chuyển tiền thuần	398	176	139	-380	40.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.04	0	0.00
Tiền cuối kỳ	610	724	863	483	523

(Nguồn: fireant.vn)